

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO THẮNG
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21-5-2019

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Hương

2. Ông Nguyễn Viết Bình

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Giang Thanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Ngày 21/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2019/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn K, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Có mặt.

Bị đơn: Chị Trần Thị C, sinh năm: 1971

Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/4/2019, bản tự khai ngày 26/4/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Trần Văn K trình bày: Anh và chị Trần Thị C tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 1992 không có đăng ký kết hôn, nhưng được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau và bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, tạo dựng cuộc sống. Tuy có mâu thuẫn nhưng anh chị vẫn chung sống với nhau, đến đầu năm 2017 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn, vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên và không nói chuyện được với nhau. Tháng 12/2018 do mâu thuẫn trầm trọng nên mặc dù vẫn ở cùng một nhà nhưng anh chị đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau và không còn quan hệ tình cảm với nhau. Xét thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị C.

Đối với chị Trần Thị C tại bản tự khai ngày 26/4/2019 chị xác nhận đúng là chị và anh Trần Văn K tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ

cuối năm 1992 không có đăng ký kết hôn, nhưng được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Chị cũng thừa nhận sau ngày cưới anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc, cũng có lúc xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau, nhưng không đến mức trầm trọng, nên anh chị vẫn sống chung cùng nhau vì con, tuy nhiên đến đầu năm 2017 mâu thuẫn trở lên trầm trọng, anh chị không nói chuyện được với nhau. Tháng 12/2018 chị và anh K sống ly thân, từ đó anh chị tuy ở chung cùng nhà nhưng không quan tâm tới nhau. Nay anh K khởi kiện xin ly hôn chị, chị nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn.

Về con chung: Anh Trần Văn K và chị Trần Thị C xác nhận anh chị có một người con chung cháu Trần Ngọc A, sinh ngày 23/8/1994, cháu đã trưởng thành khỏe mạnh và phát triển bình thường, khi ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Trần Văn K và chị Trần Thị C đều xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có tạo dựng được một số tài sản chung trị giá không lớn, khi ly hôn anh chị thống nhất thỏa thuận tự chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh Trần Văn K và chị Trần Thị C xác nhận trong thời gian chung sống ngày 11/8/2016 anh chị có vay Ngân hàng N, Chi nhánh huyện B, phòng giao dịch B số tiền 50.000.000 đồng (khi vay anh chị đăng ký hạn mức tín dụng theo hợp đồng là 100.000.000 đồng, nhưng chỉ nhận nợ 50.000.000 đồng), anh chị đã trả được 30.000.000 đồng, còn nợ lại 20.000.000 đồng, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 11/8/2019. Ngoài ra anh chị không vay nợ ai khác và cũng không cho ai vay nợ, đối với khoản nợ trên do chưa đến thời hạn trả nợ nên khi ly hôn, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh Trần Văn K và chị Trần Thị C đều xác nhận anh chị không còn nợ ngân hàng N, anh chị cung cấp chứng từ giao dịch thể hiện ngày 08/5/2019 anh chị đã thanh toán trả ngân hàng N, Chi nhánh huyện B, phòng giao dịch B số tiền 20.042.778 đồng (trong đó trả nợ gốc là 20.000.000 đồng, trả tiền lãi là 42.778 đồng).

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, nguyên đơn bị đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ về nhân thân, địa chỉ thường trú, chứng cứ chứng minh về việc có con chung, chứng cứ chứng minh công nợ, chứng cứ chứng minh đã thanh toán nợ.

Đối với vụ án này Tòa án không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân vì các đương sự không có đăng ký kết hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Anh Trần Văn K có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giải quyết vụ án “Ly hôn” với chị Trần Thị C (địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai). Căn cứ vào Khoản 1

Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn K và chị Trần Thị C tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 1992 không có đăng ký kết hôn, nhưng được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi về chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn do không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế tạo dựng cuộc sống, đến đầu năm 2017 mâu thuẫn trở nên trầm trọng, anh chị không nói chuyện được với nhau, từ tháng 12/2018 đến nay anh chị sống ly thân và không còn quan tâm thăm hỏi đến nhau. Nay anh chị đều nhất trí ly hôn, nhưng việc anh chị chung sống không có đăng ký kết hôn là bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì vậy xét yêu cầu ly hôn của anh chị, Hội đồng xét xử không thể chấp nhận, mà cần căn cứ vào Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận anh Trần Văn K và chị Trần Thị C là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Anh Trần Văn K và chị Trần Thị C đều xác nhận anh chị có một người con chung cháu Trần Ngọc A, sinh ngày 23/8/1994, cháu đã trưởng thành khỏe mạnh và phát triển bình thường, khi ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Anh Trần Văn K và chị Trần Thị C đều xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có tạo dựng được một số tài sản chung trị giá không lớn, khi ly hôn anh chị thống nhất thỏa thuận tự chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về công nợ chung: Anh Trần Văn K và chị Trần Thị C xác nhận trong thời gian chung sống ngày 11/8/2016 anh chị có vay Ngân hàng N, Chi nhánh huyện B, phòng giao dịch B 50.000.000 đồng (khi vay anh chị đăng ký hạn mức tín dụng theo hợp đồng là 100.000.000 đồng, nhưng chỉ nhận nợ 50.000.000 đồng), đến ngày tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh chị đã trả được 30.000.000 đồng, còn nợ lại 20.000.000 đồng. Ngày 08/5/2019 anh chị đã trả 20.000.000 đồng tiền nợ gốc và 42.778 tiền lãi. Đến nay anh chị không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Trần Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử không công nhận anh Trần Văn K và chị Trần Thị C là vợ chồng

2. Về án phí: Anh Trần Văn K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí anh đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0000005 ngày 26/4/2019. Anh Trần Văn K đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện BT(02);
- UBND xã X;
- Đương sự (2);
- Chi cục THADS BT;
- Lưu HS, TA, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phạm Thị Thu Hằng